

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƠN THÀNH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 70/2020/HSST
Ngày: 14 - 8 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Loan

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Xuân Đỉnh

2. Bà Hồ Thị Xuân Thiều

-Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Phước Thành – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 79/2020/HSST ngày 24 tháng 7 năm 2020, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2020/HSST-QĐ ngày 03/8/2020 đối với bị cáo:

ĐOÀN TẤN Đ, sinh năm 1981 tại Bình Phước; tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: Tổ 14, ấp 2, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Kinh doanh; độ văn hóa: 6/12; dân tộc: kinh; Tôn giáo: Không; con ông Đoàn Văn S và bà Trần Thị D, vợ Lê Thị Mỹ D và có 02 người con sinh năm 2008 và năm 2011; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Ngày 08/7/2008 bị Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, Bình Phước xử phạt 9.000.000 đồng về tội “Đánh bạc” tại bản án hình sự sơ thẩm số 42/2008/HSST; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Đặng Thị Thanh M, sinh năm 1979; Địa chỉ: tổ 7, ấp 3, xã N, huyện C, tỉnh Bình Phước.

2. Lê Thị Thu T, sinh năm 1972; Địa chỉ: Tổ 2, ấp 6, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đoàn Tấn Đ có cơ sở cầm đồ, mua bán xe gắn máy cũ mang tên “Đ Tài” tại tổ 14, ấp 2, xã Minh Lập, huyện Chơn Thành và ngày 02 tháng 02 năm 2018, được Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện Chơn Thành cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 44H8009356.

Đặng Thị Thanh M không có nghề nghiệp ổn định và muốn có tiền tiêu sài cá nhân nên M nảy sinh ý định làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết gọn là sổ đỏ) để thế chấp cho người khác vay tiền rồi chiếm đoạt. Thông qua mạng xã hội facebook, M được Tuấn (không xác định được nhân thân) nhận làm sổ đỏ giả với giá 3.000.000 đồng, M đồng ý. M cung cấp thông tin về thửa đất và Tuấn đã làm sổ đỏ giả do M đứng tên có số CD 908038 ngày 13 tháng 4 năm 2016, thửa đất số 373, tờ bản đồ số 26 tại khu phố Phước Vĩnh, phường Phước Bình, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước; thông qua bà Võ Thị Tr , Lê Thị Thu T và Vũ Hữu T nên M biết Đ có cho vay tiền bằng hình thức thế chấp sổ đỏ.

Ngày 17 tháng 9 năm 2018, M đón xe ô tô khách đi từ thị xã Phước Long đến thành phố Đồng Xoài gặp bà Trần rồi cùng đến quán cà phê “Hoàng Long” tại ấp 3, xã Minh Lập, huyện Chơn Thành gặp chị T và anh T. Tại đây, Trang gọi điện thoại cho Đ hỏi có nhận thế chấp sổ đỏ hay không thì Đ bảo đem sổ đỏ đến tiệm cầm đồ “Đ Tài” để Đ xem. Sau đó, M và Trang đem sổ đỏ giả đến, Đ kiểm tra thông tin trong sổ đỏ trùng với giấy chứng minh nhân dân của M, nghĩ là sổ đỏ thật nên Đ nhận thế chấp sổ đỏ với số tiền là 100.000.000 đồng, trong thời hạn 03 tháng, tiền lãi M phải trả cho Đ là 9.000.000 đồng/tháng, tương ứng 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương lãi suất 108%/năm. Để đảm bảo cho việc vay tiền, Đ cùng chị Trang, M đến Văn phòng Công chứng Chơn Thành thuộc khu phố Trung Lợi, thị trấn Chơn Thành, huyện Chơn Thành làm hợp đồng thế chấp sổ đỏ giả nêu trên cho Đ, trong hợp đồng chỉ có nội dung Đ cho M vay với số tiền 100.000.000 đồng, không ghi lãi suất vay. Sau khi làm xong hợp đồng thế chấp, Đ, M, Trang đến quán cà phê “Hoàng Long”, Đ đưa 100.000.000 đồng cho Trang rồi Đ cầm sổ đỏ trên đi về, Trang đưa lại 100.000.000 đồng cho M, M trả 50.000.000 đồng cho bà Trần, bà Trần cho anh Thìn 10.000.000 đồng, M cho chị Trang 3.000.000 đồng, còn lại 47.000.000 đồng dùng để tiêu sài cá nhân.

Đến tháng 10 năm 2018, M đến nhà Đ trả 9.000.000 đồng tiền lãi tháng 9 năm 2018. Do biết mình (M) không có tiền nên M xin nợ Đ tiền lãi tháng 10, tháng 11 năm 2018. M điện thoại hỏi vay Đ thêm 50.000.000 đồng; Đ đồng ý nhưng yêu cầu M phải hủy hợp đồng thế chấp sổ đỏ giả trước đó, làm thành hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên để đảm bảo, M đồng ý.

Khoảng 09 giờ ngày 12 tháng 11 năm 2018, M đến Văn phòng Công chứng Chơn Thành gặp Đ. Tại đây, M và Đ hủy hợp đồng thế chấp sổ đỏ giả trước đó, lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Sau đó, M vay thêm của Đ với số tiền là 50.000.000 đồng với điều kiện, nếu sau thời hạn vay 03 tháng mà M không trả được tiền thì Đ làm thủ tục sang tên đối với sổ đỏ trên, M đồng ý. Như vậy, tổng số tiền M nợ Đ là 150.000.000 đồng (gồm: 100.000.000 đồng vay ngày 17 tháng 9 và 50.000.000 đồng vay ngày 12 tháng 11 năm 2018). Đ và M thỏa thuận tiền lãi trả cho khoản vay 150.000.000 đồng là 13.500.000 đồng/tháng, tương ứng 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương lãi suất 108%/năm. M trả cho Đ tiền lãi tháng 10, tháng 11 năm 2018 của khoản vay 100.000.000 đồng là 18.000.000 đồng, còn lại 32.000.000 đồng M dùng vào mục đích cá nhân.

Như vậy, với khoản vay 100.000.000 đồng, M đã trả lãi cho Đ là 27.000.000 đồng, Đ thu lợi bất chính là 22.050.000 đồng (1).

Đầu tháng 01 năm 2019, M đến nhà Đ để trả tiền lãi tháng 11 năm 2018 cho Đ với số tiền là 13.500.000 đồng của khoản vay 150.000.000 đồng.

Đến giữa tháng 01 năm 2019, M tiếp tục mượn Đ thêm 50.000.000 đồng, Đ đồng ý. Tổng cộng M nợ Đ là 200.000.000 đồng (gồm: 100.000.000 đồng vay ngày 17 tháng 9, 50.000.000 đồng vay ngày 12 tháng 11 năm 2018 và 50.000.000 đồng vay tháng 01 năm 2019). Đ và M thỏa thuận tiền lãi trả cho khoản vay 200.000.000 đồng là 18.000.000 đồng/tháng, tương ứng 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương lãi suất 108%/năm.

Ngày 15 tháng 02 năm 2019, M chuyển khoản số tiền 13.500.000 đồng vào số tài khoản 640704060054182 mở tại ngân hàng VIB chi nhánh Bình Dương của Đ để trả tiền lãi tháng 12 tháng 2018 của khoản vay 150.000.000 đồng.

Như vậy, với khoản vay 150.000.000 đồng, M đã trả lãi cho Đ là 27.000.000 đồng, Đ thu lợi bất chính là 22.050.000 đồng (2).

Do không có khả năng trả đủ tiền lãi hàng tháng cho Đ, M xin Đ khi có tiền sẽ chuyển khoản để đóng tiền lãi cho Đ, Đ đồng ý. Từ ngày 12 tháng 3 năm 2019 đến ngày 10 tháng 7 năm 2019, M đã chuyển 04 lần vào tài khoản của Đ với tổng số tiền 55.000.000 đồng để trả tiền lãi khoản vay 200.000.000 đồng, thu lợi bất chính 44.916.850 đồng, cụ thể:

Ngày 12 tháng 3 năm 2019, M trả lãi 10.000.000 đồng tương ứng với lãi suất được thỏa thuận, Đ thu lợi bất chính 8.166.700 đồng;

Ngày 03 tháng 4 năm 2019, M trả lãi 10.000.000 đồng tương ứng với lãi suất được thỏa thuận, Đ thu lợi bất chính 8.166.700 đồng;

Ngày 16 tháng 5 năm 2019, M trả lãi 15.000.000 đồng tương ứng với lãi suất thỏa thuận, Đ thu lợi bất chính 12.250.050 đồng;

Ngày 10 tháng 7 năm 2019, M trả lãi 20.000.000 đồng tương ứng với lãi suất thỏa thuận, Đ thu lợi bất chính 16.333.400 đồng.

Với khoản vay 200.000.000 đồng, M đã trả lãi cho Đ là 55.000.000 đồng, Đ thu lợi bất chính là 44.916.850 đồng (3).

Như vậy, Đ cho M vay tiền với mức lãi suất thỏa thuận là 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương lãi suất 108%/năm, vượt 5,4 lần so với mức lãi suất do Bộ luật dân sự quy định là 20%/năm và thu lợi bất chính 89.016.850 đồng sau khi đã trừ đi số tiền lãi suất theo quy định là 20% (gồm: 22.050.000 đồng trong số tiền lãi 27.000.000 đồng của khoản vay 100.000.000 đồng (1); 22.050.000 đồng trong số tiền lãi 27.000.000 đồng của khoản vay 150.000.000 đồng (2); 44.916.850 đồng trong số tiền lãi 55.000.000 đồng của khoản vay 200.000.000 đồng (3)).

Qua kiểm tra tài liệu ghi chép trong trong quyển sổ màu đỏ thấy Đ cho vay với các gói vay 5.000.000 đồng trả góp trong vòng 21 ngày, mỗi ngày góp 250.000 đồng; vay 10.000.000 đồng góp trong vòng 21 ngày, mỗi ngày góp 500.000 đồng. Như vậy, Đ cho vay với mức lãi suất là 0,238%/ngày, tương đương 85,68%/năm, gấp 4,284 lần mức lãi suất cao nhất do Bộ luật Dân sự quy định là 20%/năm (Bút lục số: 33, 34, 47-50, 56, 79, 84-87, 239, 240, 243).

Về vật chứng vụ án:

01 cuốn sổ ghi chép màu đen liên quan đến hoạt động cho Đặng Thị Thanh M vay tiền và 01 cuốn sổ ghi chép màu đỏ.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã nộp 109.000.000 đồng khắc phục một phần hậu quả;

Bản cáo trạng số 79/CT-VKS-HS ngày 24/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo Đoàn Tấn Đ về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố. Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

Do đó, Viện kiểm sát quyết định truy tố đối với bị cáo về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm b,s khoản 1 Điều 51, Điều 50; Điều 35; Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đ mức án từ 50.000.000 đến 70.000.000 đồng.

Ý kiến của bị cáo: đồng ý về tội danh, điều luật mà đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa đề nghị áp dụng với bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo nhận thức hành vi của mình sai trái và rất hối hận. Bị cáo kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình. Xét lời khai nhận tại phiên tòa của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ nên Hội đồng xét xử có cơ sở kết luận:

Từ ngày 17 tháng 9 năm 2018 đến ngày 10 tháng 7 năm 2019, Đoàn Tấn Đ đã cho Đặng Thị Thanh M vay 200.000.000 đồng với mức lãi suất 108%/năm, vượt 5,4 lần so với lãi suất do Bộ luật dân sự quy định và thu lợi bất chính số tiền 89.016.850 đồng. Hành vi do bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “ Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Điều 201 Bộ luật hình sự quy định: Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì

bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

2.

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

[3] Về tính chất, mức độ ảnh hưởng của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, cụ thể là trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ đã được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi của mình. Do vậy, cáo trạng số 79/CT-VKS-HS ngày 24/7/2020 của Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội “ Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” là hoàn toàn đúng người, đúng tội.

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

[3.1]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

[3.2]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo đã giao nộp số tiền truy thu để khắc phục hậu quả. Bị cáo là lao động chính của gia đình. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, và chỉ cần áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước là có căn cứ, phù hợp với nhận định của HĐXX nên được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

[4] Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

[4.1]. Đối với khoản tiền gốc 200.000.000 đồng bị cáo dùng để cho vay được xác định là phương tiện phạm tội nên bị tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. Do tại bản án hình sự sơ thẩm số 19/2020/HSST ngày 14/7/2020 của TAND tỉnh Bình Phước đã buộc Đặng Thị Thanh M trả 200.000.000đ cho bị cáo Đ nên cần truy thu của bị cáo Đ để sung quỹ nhà nước.

[4.2]. Đối với khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là khoản tiền phát sinh từ tội phạm nên bị truy thu để sung quỹ Nhà nước, cụ thể truy thu của bị cáo số tiền 19.983.150 đồng.

[4.3]. Khoản tiền thu lợi bất chính (là khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/năm) là 89.016.000 đồng cần truy thu của bị cáo để sung quỹ nhà nước.

[5]. Về xử lý vật chứng:

01 cuốn sổ ghi chép màu đen liên quan đến hoạt động cho Đặng Thị Thanh M vay tiền và 01 cuốn sổ ghi chép màu đỏ cần tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

Số tiền 109.000.000 đồng mà bị cáo Đ đã giao nộp theo biên lai thu tiền số 0001567 ngày 21/7/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chơn Thành thì tiếp tục tạm giữ để khấu trừ đảm bảo cho việc thi hành án.

[6]. Đối với hành vi Đoàn Tấn Đ cho vay với mức lãi suất 0,238%/ngày, tương đương 85,68%/năm gấp 4,284 lần mức lãi suất cao nhất do Bộ luật dân sự quy định nên không đủ yếu tố cấu thành tội “ Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”

Đối với hành vi sử dụng sổ đỏ giả để lừa đảo chiếm đoạt tài sản do Đặng Thị Thanh M thực hiện đã được giải quyết trong vụ án khác.

Đối với hành vi của Lê Thị Thu Trang, Võ Thị Trần, Vũ Hữu Thìn giới thiệu và được M trả công cho việc giới thiệu M cầm sổ đỏ cho Đ nhưng không biết là sổ đỏ giả nên không có cơ sở xử lý.

[7] Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Đoàn Tấn Đ phạm tội “ Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm b,s khoản 1,2 Điều 51, Điều 50, Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Đoàn Tấn Đ số tiền 30.000.000 đồng.

3. Về các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Buộc bị cáo Đ nộp sung quỹ nhà nước tổng số tiền 309.000.000 đồng trong đó tiền gốc cho vay 200.000.000 đồng, tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 19.983.150 đồng, tiền lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/năm là 89.016.000 đồng

Tiếp tục tạm giữ số tiền 109.000.000 đồng mà bị cáo Đ đã giao nộp theo biên lai thu tiền số 0001567 ngày 21/7/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Thành để đảm bảo cho việc thi hành án của bị cáo.

01 cuốn sổ ghi chép màu đen liên quan đến hoạt động cho Đặng Thị Thanh M vay tiền và 01 cuốn sổ ghi chép màu đỏ cần tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

- Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước
- VKSND tỉnh Bình Phước
- VKSND huyện Chợ Thành;
- CCTHADS huyện Chợ Thành;
- CA huyện Chợ Thành;
- UBND nơi cư trú của bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đình Loan

